

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hiệp

2. Bà Trần Thị Thanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 3, ấp KN, xã C, huyện D, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Tổ 3, ấp KN, xã C, huyện D, tỉnh T;

Tạm trú : Tổ 36, ấp TL, xã H, huyện G, tỉnh T.

Chị Hân và anh Kiên đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-3-2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung K chung sống với nhau từ năm 2006, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Chị và anh K có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh T.

Sau khi kết hôn, chị và anh K sống chung với cha mẹ chồng tại ấp TL, xã H, huyện G, tỉnh T. Được khoảng vài tháng thì chị và anh K ra sống riêng. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh K thường xuyên về kiểm chuyện chửi mắng và đánh chị nhiều lần. Anh K còn có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn lại được. Tháng 7-2020, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp KN, xã C, huyện D, tỉnh T sinh sống, còn anh K thì ở nhà chung của vợ chồng và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ ngày sống ly thân, chị và anh K có gặp nhau nhưng cả hai đều không nói chuyện với nhau về hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh K.

Về nuôi con: Chị và anh K có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27-12-2007 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 18-8-2018. Hiện hai cháu đang ở cùng với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh K chung sống có tài sản chung là 01 căn nhà trên phần đất tọa lạc tại ấp TL, xã H, huyện G, tỉnh T và 01 phần đất tọa lạc tại ấp KN, xã C, huyện D, tỉnh T do cha mẹ ruột chị cho nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn anh K thì chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh K;

Về con chung: giao cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27-12-2007 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 18-8-2018. Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt, còn bị đơn anh Nguyễn Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Lâm Thị Ngọc H và anh Nguyễn Trung K là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị H thì nguyên nhân là do anh K thường xuyên kiểm chuyện chửi mắng và đánh chị nhiều lần. Anh K còn có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác nên anh chị thường xuyên cãi nhau. Tháng 7-2020, anh chị sống ly thân, mặc dù có gặp nhau nhưng cả hai đều không đề cập đến chuyện đoàn tụ. Từ khi chị H nộp đơn ly hôn đến nay, mặc dù có thông báo cho anh K biết và anh K đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh K vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, anh K cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên mục đích hôn nhân không còn đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con:

[3.1] Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27-12-2007 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 18-8-2018. Hiện cả hai đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr và cháu Q.

[3.2] Xét yêu cầu của chị H thì thấy: Từ khi chị H và anh K sống ly thân, 02 người con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay chị H có **nghề nghiệp và thu nhập ổn định** nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu Tr là được sống cùng với chị H. Còn anh K thì không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho chị H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là cháu Tr và cháu Q là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H khai tài sản chung của anh chị gồm có 01 căn nhà được xây trên phần đất tọa lạc tại ấp TL, xã H, huyện G, tỉnh T thuộc quyền quản lý, sử dụng của cha mẹ ruột anh K; và 01 phần đất tọa lạc tại ấp KN, xã C, huyện D, tỉnh T do cha mẹ ruột chị H cho nhưng chị H không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H khai không có, chị H và anh K đều không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Trung K. Chị Lâm Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

2. Về nuôi con: Giao cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27-12-2007 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 18-8-2018. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí mà đã nộp theo biên lai thu số 0024223 ngày 14-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã C, huyện D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG

